

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/DS-ST
Ngày: 08-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quốc Trung
2. Ông Nguyễn Mạnh Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 102/2022/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 61, Khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Văn G**, sinh năm 1967 và bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1967. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Bà Võ Thanh Tĩnh - Luật sư của Văn phòng luật sư Võ Thanh Tĩnh, thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà và vợ chồng bà H là hàng xóm láng giềng, bà H làm chủ hụi và bà là hụi viên chơi rất nhiều dây hụi do bà H mở vào năm 2019, trong thời G này bà H cũng hỏi vay tiền của bà. Khi vay tiền, bà và bà H không có làm biên nhận nợ vì có chơi hụi chung và từ trước đến nay vì quen thân nên tiền bạc không làm giấy tờ.

Vào ngày 15/01/2019 (Âm lịch), bà H có hỏi vay của bà số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), bà mang tiền đến nhà bà H có ông G và bà H nhận tiền.

Ngày 22/01/2019 (Âm lịch), bà H và ông G hỏi vay tiếp 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và bà cũng mang tiền đến nhà cho vợ chồng ông G, bà H mượn.

Ngày 26/4/2019 (Âm lịch), ông G và bà H hỏi vay thêm 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và bà cũng giao tiền tại nhà cho hai vợ chồng bà H.

Khi vay hai bên không lập giấy tờ và ông G, bà H đồng ý trả lãi 4%/tháng nhưng sau đó xin giảm lãi còn 3%/tháng thì bà đồng ý. Quá trình vay mượn, ông G và bà H trả lãi chỉ một lần rồi ngưng từ khi vay tiếp số tiền 80.000.000 đồng cho đến nay.

Ngày 22/9/2019 (Âm lịch), bà H tuyên bố bẻ hụi, nợ tiền hụi của bà là 1.190.000.000 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng). Khoảng vài ngày sau bà làm bảng kê tiền hụi và tiền nợ vay là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng), bà yêu cầu bà H ký tên xác nhận và bà H đồng ý ký tên. Đến cuối năm 2019, bà có khởi kiện bà H ra Tòa án nhưng vì vụ việc Công an tiếp nhận thụ lý và trả lời có dấu hiệu phạm tội nên không tiến hành giải quyết tại Tòa án. Sau đó Công an quận tách số nợ 280.000.000 đồng của bà H ra thành vụ kiện dân sự nên bà làm đơn khởi kiện bà H ra Tòa án.

Bà yêu cầu bà H và ông G trả cho bà số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) theo giấy xác nhận nợ do bà Nguyễn Thị Ngọc H ký tên xác nhận với bà. Đồng thời, yêu cầu bà H và ông G trả lãi suất 20%/năm, tương đương 1,67%/tháng từ ngày 20/10/2019 đến ngày 20/4/2022 là 35 tháng x

1,67%/tháng = 163.660.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng).

Tổng cộng số tiền bà H và ông G phải trả cho bà là 443.660.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng), trong đó tiền vốn là 280.000.000 đồng và tiền lãi là 163.660.000 đồng.

Theo Bản tự khai đề ngày 25/4/2022 và quá trình giải quyết, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Bà và bà Nguyễn Thị V là hàng xóm với nhau, bà có làm chủ hội và bà V có tham gia chơi hội do bà làm chủ, nên khi tràn hội bà cần tiền thì có hỏi vay bà V tiền để tràn hội nhiều lần. Năm 2019 bà V có tham gia chơi nhiều dây hội do bà làm chủ, bà có hỏi vay tiền của bà V nhiều lần tổng cộng số tiền vốn là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng), đến khi bà bế hội thì bà V có đến nhà kêu bà xác nhận còn nợ bà V, bà có ký nhận nợ với bà V. Bà có vay tiền của bà V cụ thể:

Ngày 15/01/2019 (âm lịch), bà hỏi vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Ngày 22/01/2019 (âm lịch), bà hỏi vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Ngày 26/4/2019 (âm lịch), bà hỏi vay thêm số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Tổng số tiền trên bà có đóng lãi mỗi tháng số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng), đóng từ tháng 01/2019 đến tháng 9/2019 thì bế hội nên bà ngưng đóng tiền lãi cho bà V từ đó đến nay.

Chồng bà là ông Phạm Văn G không biết và không cùng bà vay tiền của bà V, đây là số nợ riêng của bà, khi bà làm chủ hội do cần tiền tràn hội cho hội viên khác nên bà vay tiền của bà V vì mỗi khi hội viên hốt hội bà không có đủ tiền để giao nên vay tiền của bà V để giao tiền hội cho hội viên, nhiều lần vay cộng lại là 280.000.000 đồng.

Bà thừa nhận còn nợ bà V số tiền 280.000.000 đồng. Do gia đình bà hiện tại rất khó khăn nên không có khả năng trả nợ, bà xin được trả dần mỗi tháng số tiền 500.000 đồng cho đến khi xong số tiền nợ, bà xin được xóa lãi.

Theo Bản tự khai đề ngày 25/4/2022 và quá trình giải quyết, bị đơn ông Phạm Văn G trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Ngọc H, việc bà H làm chủ hụi như thế nào bà H không thông qua ông nên việc bà H có nợ tiền của bà Nguyễn Thị V bao nhiêu ông không biết. Hiện ông bị bệnh tim không có khả năng lao động nên phần nợ này của bà H ông không có khả năng trả cũng không chịu trách nhiệm trả số tiền nợ này.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm: Vào năm 2019, bà Nguyễn Thị Ngọc H có làm chủ hụi và bà Nguyễn Thị V là hụi viên tham gia nhiều dây hụi, trong thời G này bà H có hỏi vay tiền của bà V, cụ thể: Vào ngày 15/01/2019 (Âm lịch), bà H có hỏi vay của bà V số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), bà V mang tiền đến nhà bà H có ông G và bà H nhận tiền; Ngày 22/01/2019 (Âm lịch), bà H và ông G hỏi vay tiếp 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), bà V cũng mang tiền đến nhà cho vợ chồng ông G và bà H mượn; Ngày 26/4/2019 (Âm lịch), ông G và bà H hỏi vay thêm 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) bà V cũng giao tiền tại nhà cho hai vợ chồng bà H. Hai bên có thỏa thuận lãi suất cho vay là 04%/tháng sau đó giảm xuống 03%/tháng, bà H có đóng lãi một lần rồi ngưng không đóng nữa. Ngày 22/9/2019 âm lịch bà H tuyên bố bẻ hụi nên bà V có yêu cầu bà H xác nhận số tiền nợ, bà H có ký tên xác nhận nợ bà V số tiền 280.000.000 đồng. Khi vay tiền, bà V và bà H không có làm giấy tờ, biên nhận nợ.

Bị đơn đã công nhận nợ tiền vay của nguyên đơn, hai bên xác nhận vay tiền có thỏa thuận lãi suất nên đề nghị áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và lãi tính từ ngày 22/9/2019 âm lịch tức là ngày 20/10/2019 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/8/2022) là 38 tháng 18 ngày x 1,67%/tháng x 280.000.000 đồng = 180.488.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn đồng). Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 460.488.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn đồng). Khi tính toán có thể sai sót về số tiền lãi nên Hội đồng xét xử xem xét lại phần này.

Về trách nhiệm trả nợ của ông Phạm Văn G, ông G có biết việc bà H vay tiền, bà H trình bày bà vay tiền để trần hụi, bà là chủ hụi thì có tiền lãi vì hụi viên có đóng hụi bình thường thì không có việc trần hụi nên lời trình bày của bà H là G dối, gia đình bị đơn không có thu nhập nào khác nên bị đơn có sử dụng tiền vay vào sử dụng chung cho gia đình, khi bà V đến đòi nợ thì ông G có đứng ra điều đình việc trả nợ cho bà V, ông G cho rằng không biết là trốn tránh việc

trả nợ, bà H có sử dụng tiền vay của bà V để phục vụ trong gia đình nên yêu cầu tuyên buộc bà H và ông G cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà V.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H: Lời của luật sư nói là không đúng. Bà vay tiền chỉ để trăn hui, đây là nợ của bà khi chơi hui với bà V, bà không có mua sắm gì hay phục vụ gì trong gia đình.

- Bị đơn ông Phạm Văn G: Ông không biết việc bà H vay mượn tiền, ông không biết rõ số nợ của bà H, ông không đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả nợ và cũng không có khả năng trả nợ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 280.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm căn cứ vào Tờ tường trình không ghi ngày tháng năm, bị đơn bà H thừa nhận nợ và đồng ý trả, cho thấy đây là giao dịch vay mượn tiền là có thật, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất phù hợp theo quy định pháp luật nên xem xét chấp nhận, tuy nhiên cần điều chỉnh thời G tính lãi từ ngày 22/10/2019 đến ngày 08/8/2022 tương đương là 33 tháng, không phải 38 tháng 18 ngày. Đối với ông Phạm Văn G trình bày, ông không biết việc vay mượn tiền giữa bà V và bà H, bà H xác định đây là nợ riêng của bà trong thời G làm chủ hui, bà V không có tài liệu chứng minh việc ông G có biết và liên quan tới việc vay mượn tiền, tờ xác nhận cũng không có bút tích ký tên ông G. Bà V và bà H đều không thống nhất mục đích vay mượn tiền, không có cơ sở chứng minh việc bà H vay tiền nhằm mục đích sử dụng vào việc sinh hoạt gia đình chung của vợ chồng. Do đó không có đủ cơ sở buộc ông G phải liên đới cùng bà H trả nợ cho bà V.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 166; Điều 280; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H phải trả cho bà Nguyễn Thị V tổng số tiền nợ gốc là 280.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm tính từ ngày 22/10/2019 đến ngày xét xử vụ án. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị V về việc buộc ông Phạm Văn G phải liên đới trả nợ. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng vay tài sản, sau đó phát sinh tranh chấp nên nguyên đơn khởi kiện. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật dân sự điều chỉnh nên xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét giao dịch dân sự:

Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V cho rằng có cho bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Phạm Văn G vay tiền vào các ngày 15/01/2019, 22/01/2019 và 26/4/2019 (âm lịch) với tổng số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Bà H có ký tên vào Tờ tường trình không ghi ngày tháng năm ghi nhận việc bà H có nợ tiền bà V nên bà V yêu cầu bà H và ông G trả tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án, bà H cho rằng, bà có vay tiền nhiều lần của bà V, hai bên có thỏa thuận lãi suất cho vay, bà đã nhận đủ số tiền vay và đã đóng tiền lãi cho bà V được vài tháng nhưng do khó khăn nên ngưng đóng lãi. Như vậy, đây là cơ sở khẳng định giữa bà V và bà H có thiết lập giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản là sự thật.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp nhằm chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ là hợp pháp: Tờ tường trình không ghi ngày tháng năm là văn bản do nguyên đơn viết, trong đó ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Ngọc H có nợ tiền của bà Nguyễn Thị V là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng), không thể hiện việc có thỏa thuận ngày trả nợ và lãi suất vay tiền, bà V cho rằng bà có yêu cầu bà H và ông G trả nợ khi bà H bị bề hội vào ngày 22/9/2019 âm lịch tức là ngày 20/10/2019 dương lịch thì bà H và ông G thừa nhận và xin cho thời G trả nợ từ từ nhưng bà H và ông G không thực hiện. Do bà H có ký nhận vào Tờ tường trình nhưng không trả nên bà V khởi kiện.

Tờ tường trình không ghi ngày tháng năm đã được các bên tự nguyện ký nhận với nhau về việc đã có thỏa thuận vay tài sản, về nội dung và hình thức thỏa mãn các điều kiện được quy định tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015. Đồng thời, đảm bảo điều kiện có hiệu lực của hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên các bên có nghĩa vụ phải thực hiện. Theo nguyên đơn, do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi chậm trả theo quy định pháp luật. Vì vậy, tài liệu nêu trên đáp ứng yêu cầu của một chứng cứ theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Về nợ gốc:

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền cho vay là 280.000.000 đồng căn cứ vào Tờ tường trình không ghi ngày tháng năm, theo Tờ tường trình không có ghi nhận việc thỏa thuận ngày trả nợ, bà V cho rằng bà có yêu cầu bà H và ông G trả nợ khi bà H bị bế hui vào ngày 22/9/2019 âm lịch tức là ngày 20/10/2019 dương lịch thì bà H và ông G thừa nhận và xin cho thời G trả nợ từ từ nhưng bà H và ông G không thực hiện. Bà cho rằng bà H và ông G đều tham gia vay tiền của bà vì bà nghe bà H nói bà vay cho con bà mua bán đất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H cho rằng, bà thừa nhận có nợ bà V số tiền là 280.000.000 đồng còn chồng bà là ông Phạm Văn G không biết và không cùng bà vay tiền của bà V, đây là số nợ riêng của bà, khi bà làm chủ hui do cần tiền trần hui cho hui viên khác nên bà vay tiền của bà V vì mỗi khi hui viên hót hui bà không có đủ tiền để giao nên vay tiền của bà V để giao tiền hui cho hui viên, nhiều lần vay cộng lại là 280.000.000 đồng. Do gia đình bà hiện tại rất khó khăn nên không có khả năng trả nợ, bà xin được trả dần mỗi tháng số tiền 500.000 đồng cho đến khi xong số tiền nợ, bà xin được xóa lãi.

Bị đơn ông Phạm Văn G cho rằng, bà H làm chủ hui như thế nào bà H không thông qua ông, việc bà H có nợ tiền của bà V bao nhiêu ông không biết, ông không chịu trách nhiệm trả số tiền nợ này.

Về lãi suất: Căn cứ vào Tờ tường trình không ghi ngày tháng năm thể hiện bà H có mượn số tiền là 280.000.000 đồng của bà V, có ghi nhận người nợ tiền là Nguyễn Thị Ngọc H có ký tên và người chủ nợ là Nguyễn Thị V có ký tên, theo Tờ tường trình thể hiện không có thỏa thuận ngày trả nợ, không có thỏa thuận vay có lãi suất. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, các bên đều thừa nhận bà V cho bà H vay tiền không có thỏa thuận ngày trả nợ nhưng có thỏa thuận lãi suất là 03%/tháng từ ngày vay mượn tiền đầu tiên là ngày 15/01/2019

âm lịch, bà H có đóng lãi vài lần rồi ngưng cho đến nay. Đến khi bà H tuyên bố bế hui vào ngày 22/9/2019 âm lịch tức là ngày 20/10/2019 dương lịch, bà V có yêu cầu bà H trả nợ thì bà H thừa nhận và xin cho thời G trả nợ.

Do đó, hợp đồng vay tài sản thuộc trường hợp vay không có kỳ hạn và có lãi. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 20/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức 1,67%/tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tiền lãi được tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ là ngày 20/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/8/2022 là 33 tháng 18 ngày x 280.000.000 đồng x 1,67%/tháng = 157.113.600 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu một trăm mười ba ngàn sáu trăm đồng). Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 437.113.600 đồng (Bốn trăm ba mươi bảy triệu một trăm mười ba ngàn sáu trăm đồng).

*** Về trách nhiệm thanh toán:**

Nguyên đơn cho rằng: Quá trình giao dịch, bà H và ông G đều tham gia vay tiền của bà và có hứa hẹn trả tiền, ông G biết việc vay tiền của bà H vì khi cho vay bà nghe bà H nói là vay cho con bà H mua bán đất nên bà V yêu cầu trách nhiệm trả nợ chung của vợ chồng đối với bà H và ông G.

Bị đơn bà H cho rằng, bà vay tiền là để trản tiền hui khi bà còn làm chủ hui, đây là nợ riêng của bà, ông G không biết và không tham gia vay tiền.

Theo nội dung Tờ tường trình không ghi ngày tháng năm không ghi rõ mục đích vay tiền như bà V trình bày, không thể hiện có sự xác nhận ký tên của ông G, bà V và bà H đều trình bày mâu thuẫn nhau về mục đích vay tiền. Hơn nữa, không có tài liệu nào thể hiện khoản vay này là để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình hay phục vụ kinh doanh của gia đình bị đơn. Do đó, số tiền vay không phải vì phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình bị đơn theo quy định, bà V không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc ông G có biết và tham gia vay của bà số tiền 280.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, thấy rằng: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn về việc giải quyết vụ án là phù hợp. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận một phần. Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Phạm Văn G cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn có cơ sở xem xét chấp nhận một phần.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí có giá ngạch đôi

với nghĩa vụ trả tiền theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 92; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357; Điều 463; Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H trả cho bà Nguyễn Thị V tổng số tiền 437.113.600 đồng (Bốn trăm ba mươi bảy triệu một trăm mười ba ngàn sáu trăm đồng). Trong đó, tiền gốc là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi là 157.113.600 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu một trăm mười ba ngàn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/8/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp số tiền 21.484.544 đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn năm trăm bốn mươi bốn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền 10.780.000 đồng (Mười triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003296 ngày 05/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Ô;
- Chi cục THADS Q. Ô;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Lê Thị Thúy Hằng